TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN MINH** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/HS-ST
Ngày 26-4-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MINH, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Hoàng Văn Đạng.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Đình Bình, bà Phạm Thị Thỏa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa*:** Bà Đặng Thị Lài - Kiểm sát viên.

Ngày 26/4/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 04/2023/TLST-HS ngày 04/4/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2023/QĐXXST-HS ngày 13/4/2023 đối với các bị cáo:

1. Pháng Ngọc K; sinh năm: 2000 tại xã S, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn B, xã S, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Giáy; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Pháng Ngọc T; sinh năm: 1973 và bà Nguyễn Thị N; sinh năm: 1974; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 11/01/2023 đến ngày 17/01/2023. Hiện đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã S, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

2. Vàng Mí P1; sinh năm: 1984 tại thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn T, thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Vàng Xúa D (đã chết) và bà Giàng Thị M; sinh năm: 1964; có vợ: Sùng Thị D; sinh năm: 1992 và con: 03 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không. Bị cáo hiện đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú tại thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

3. Phàn Thị M1; sinh năm: 1956 tại xã S, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn S, xã S, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: Không; dân tộc: Dao; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phàn Chính N (đã chết) và bà Tẩn Thị X (đã chết); có chồng: Vàng Nỏ C (đã chết) và con: 05 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 25/11/2019 bị Công an

huyện Yên Minh quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 1.500.000đ về hành vi đánh bạc. Bị cáo đã nộp tiền xong ngày 29/11/2019. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 11/01/2023 đến ngày 17/01/2023. Hiện đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã S, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

4. Phùng Quốc H1; sinh năm: 1961 tại xã S, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn B, xã S, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Giáy; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Pháng Văn K; sinh năm: 1940 và bà Hoàng Thị M (đã chết); có vợ: Nguyễn Thị T; sinh năm: 1965 và con: 05 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 14/01/2014 bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xử phạt 06 năm tù về tội "Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài". Hiện đã được xóa án tích. Bị cáo hiện đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã S, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

5. Làn Văn T; sinh năm: 1977 tại xã S, huyện Y, tỉnh Hà Giang, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn B, xã S, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Hoa; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Làn Quáng H; sinh năm: 1952 và bà Lừu Thị L (đã chết); có vợ: Triệu Thị H; sinh năm: 1979 và con: 04 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 25/11/2019 bị Công an huyện Yên Minh quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 1.500.000đ về hành vi đánh bạc. Bị cáo đã nộp tiền xong ngày 29/11/2019. Bị cáo hiện đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã S, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

6. Hoàng Văn Q; sinh năm: 1964 tại xã H, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn B, xã H, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Giáy; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hoàng Văn T (đã chết) và bà Lù Thị M; sinh năm: 1943; có vợ: Nguyễn Thị T; sinh năm: 1965 và con: 04 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 11/01/2023 đến ngày 17/01/2023. Hiện đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã H, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

7. Dò Thanh H2; sinh năm: 1999 tại xã S, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn B, xã S, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Giáy; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Dò Văn T; sinh năm: 1976 và bà Pháng Thị X; sinh năm: 1975; có vợ: Lục Thị N; sinh năm: 1999 và con: 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 11/01/2023 đến ngày 17/01/2023. Hiện đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã S, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

8. Lù Văn S; sinh năm: 1982 tại xã S, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn B, xã S, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: Không; dân tộc: Giáy; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lù A P (đã chết) và bà Lù Thị M; sinh năm: 1937; có vợ: Pháng Thị P; sinh năm: 1982 và con: 03 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không. Bị cáo hiện

đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã S, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

9. Mồ Văn D; sinh năm: 1978 tại xã B, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn B, xã S, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: 1/12; dân tộc: Cờ Lao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Mồ Xào Q (đã chết) và bà Lý Thị C (đã chết); có vợ: Làn Thị S; sinh năm: 1979 và con: 03 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không. Bị cáo hiện đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã S, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

10. Chảo Văn L; sinh năm: 2003 tại xã S, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn B, xã S, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Giáy; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Chảo Văn K; sinh năm: 1982 và bà Hoàng Thị C; sinh năm: 1979; vợ, con: Không; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không. Bị cáo hiện đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã S, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

11. Vàng Mí M2; sinh năm: 1975 tại xã S, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn S, xã S, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: Không; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Vàng Vả C (đã chết) và bà Giàng Thị X (đã chết); có vợ: Giàng Thị M; sinh năm: 1976 và con: 07 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 11/01/2023 đến ngày 17/01/2023. Hiện đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã S, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

12. Giàng Nhè P2; sinh năm: 1950 tại xã S, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn S, xã S, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: Không; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Giàng Pà P (đã chết) và bà Cháng Thị M (đã chết); có vợ: Sính Thị S; sinh năm: 1951 và con: 06 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 11/01/2023 đến ngày 17/01/2023. Hiện đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã S, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Phùng Quốc H*: Bà Hoàng Thị Ngọc Mai – Trợ giúp phiên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hà Giang. Có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Dò Văn T, sinh năm 1976; nơi cư trú: Thôn B, xã S, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Nhung, sinh năm 1974; nơi cư trú: Thôn B, xã S, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt.

3. Bà Pháng Thị T, sinh năm 1982; nơi cư trú: Thôn B, xã S, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Vừ Thị C. Có mặt.

- *Người phiên dịch tiếng dân tộc Mông:* Ông Chảo Mí H; địa chỉ: Thôn T, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

- *Người phiên dịch tiếng dân tộc Dao*: Bà Lý Thị N; địa chỉ: Tổ 4, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

- *Người phiên dịch tiếng dân tộc Giá*y: Ông Xín Hồng Đ; địa chỉ: Thôn Đ, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 11/01/2023, tại nhà bị cáo Phàn Thị M1, bị cáo Pháng Ngọc K khởi xướng, rủ rê việc đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa, thấy K nói vậy, Vàng Mí P1 nhặt 01 vỏ hộp giấy cứng có một mặt màu trắng và một mặt màu vàng ở nhà bà M1 và cắt thành 04 quân vị hình tròn. Sau đó K lấy ở bếp nhà bà M1 01 cái bát và 01 cái đĩa bằng sứ và rải bao tải xuống nền nhà bà M1 và bắt đầu chơi. K là người làm cái và sử dụng số tiền khoảng 1.000.000đ, Chảo Văn L sử dụng số tiền 60.000đ, Hoàng Văn Q sử dụng số tiền 300.000đ, Vàng Mí P1 sử dụng số tiền 230.000đ để bắt đầu đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa. Khi K, L, Q, P1 chơi được khoảng 10 phúc thì Giàng Nhè P2 sử dụng số tiền 50.000đ để tham gia đánh bạc được 03 ván do hết tiền nên P2 ngồi xem mọi người chơi, tiếp đó Vàng Mí M2 sử dụng số tiền 30.000đ để tham gia đánh bạc được khoảng 5 đến 6 ván bị thua hết tiền nên ngồi xem. Lúc này Phàn Thị M1 cũng sử dụng số tiền 100.000đ để tham gia đánh bạc, tiếp đó Làn Văn T cũng tham gia đánh bạc với số tiền 400.000đ. Khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, Dò Thanh H2 sang nhà bả Mỷ chơi, thấy mọi người đang chơi đánh bạc nên H2 cũng tham gia đánh bạc với số tiền 1.020.000đ (20.000đ là tiền của H2 còn 1.000.000đ H2 vay của K). Một lúc sau Lù Văn S chở theo Phùng Quốc H1 đến nhà bà M1 và cùng tham gia đánh bạc cùng mọi người, S sử dụng số tiền 300.000đ còn H1 sử dụng số tiền 350.000đ để đánh bạc. Khoảng 22 giờ cùng ngày Mồ Văn D đến nhà bà M1 chơi và cũng tham gia đánh bạc cùng mọi người với số tiền 200.000đ, trong lúc đánh bạc do thua hết tiền nên P1 đã bán xe máy BKS: 23M1 – 093.99 nhãn hiệu HONDA, loại RSX, sơn màu đen cho Làn Văn T với giá 4.600.000đ, sau đó P1 cho Q vay 2.300.000đ, số tiền còn lại P1 tiếp tục sử dụng vào việc đánh bạc. Đến 23 giờ 45 phút cùng ngày bị lực lượng Công an huyện Yên Minh phát hiện và bắt quả tang các đối tượng Pháng Ngọc K, Phùng Quốc H1, Vàng Mí M1, Giàng Nhè P2, Hoàng Văn Q, Dò Thanh H2, Phàn Thị M1 và tạm giữ số tiền tại hiện trường là 7.500.000đ. Còn Làn Văn T, Vàng Mí P1, Lù Văn S, Mồ Văn D và Chảo Văn L đã bỏ trốn khỏi hiện trường khi lực lượng Công an bắt quả tang. Ngày 13/01/2023 Lù Văn S, Làn Văn T và Mồ Văn D đã đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Y, tỉnh Hà Giang để đầu thú. Quá trình điều tra, khi được Cơ quan điều tra triệu tập, Vàng Mí P1 và Chảo Văn L đã thành khẩn khai báo, hợp tác với cơ quan chức năng để giải quyết vụ án.

Tại bản kết luận định giá số 31/KL-PC09 ngày 17/01/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang kết luận *"Toàn bộ 45 tờ tiến Việt nam gửi giám định đều là tiền thật"*.

Bản Cáo trạng số: 06/CT-VKS ngày 03/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang đã truy tố các bị cáo Pháng Ngọc K, Vàng Mí P1, Phàn Thị M1, Làn Văn T, Hoàng Văn Q, Dò Thanh H2, Phùng Quốc H1, Lù Văn S, Mồ Văn D, Chảo Văn L, Vàng Mí M2, Giàng Nhè P2 về tội "Đánh bạc" quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đều đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung của bản cáo trạng đã nêu.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tuyên bố các bị cáo Pháng Ngọc K, Vàng Mí P1, Phàn Thị M1, Làn Văn T, Hoàng Văn Q, Chảo Văn L, Phùng Quốc H1, Giàng Nhè P2, Vàng Mí M2, Dò Thanh H2, Lù Văn S và Mồ Văn D phạm tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt chính: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Pháng Ngọc K từ 07 tháng tù đến 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án; căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo Vàng Mí P1, Phàn Thị M1, Làn Văn T từ 06 tháng đến 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 16 tháng; căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phùng Quốc H1 từ 06 tháng đến 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 16 tháng; căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo Lù Văn S, Mồ Văn D, Chảo Văn L và Vàng Mí M2 từ 20 đến 24 tháng cải tạo không giam giữ; căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, o, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Giàng Nhè P2 từ 18 đến 20 tháng cải tạo không giam giữ.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 321 của BLHS năm 2015 vì các bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, hộ nghèo, cận nghèo, không có việc làm ổn định, không có tài sản nên không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử, xử lý các vật chứng, tài sản của vụ án theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Tại phiên tòa bị cáo Phùng Quốc H1 có đơn xin miễn án phí nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí cho bị cáo H1.

Các bị cáo còn lại phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 Bộ luật TTHS và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Người bào chữa cho bị cáo Phùng Quốc H1 có quan điểm: Việc điều tra, truy tố, xét xử bị cáo H1 về tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, luận tội của Viện kiểm sát là có cơ sở phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo H1 đã gây ra, do vậy tôi nhất trí với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo H1 06 tháng tù cho hưởng án treo, ngoài ra tôi không có tranh luận đối đáp gì thêm. Bị cáo Phùng Quốc H1 nhất trí với nội dung bào chữa của người bào chữa và luận tội của Kiểm sát viên, bị cáo không có ý kiến tranh luận gì thêm; về vật chứng bị cáo đề nghị trả lại 01 điện thoại di động loại bàn phím, nhãn nhiệu KINGREAT, màu đen.

Các bị cáo Pháng Ngọc K, Vàng Mí P1, Phàn Thị M1, Làn Văn T, Hoàng Văn Q, Dò Thanh H2, Lù Văn S, Mồ Văn D, Chảo Văn L, Vàng Mí M2, Giàng Nhè P2 nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát không có tranh luận đối đáp gì, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt; về vật chứng bị cáo Dò Thanh H2 đề nghị trả lại 01 điện thoại di động loại màn hình cảm ứng, không rõ nhãn hiệu, chủng loại, màu đen - trắng, màn hình, thân vỏ máy có nhiều vết nứt vỡ; bị cáo Giàng Nhè P2 đề nghị trả lại 01 điện thoại di động loại bàn phím, nhãn hiệu JSTAR, màu đen; Bị cáo Vàng Mí M2 đề nghị trả lại 01 điện thoại di động loại bàn phím, nhãn hiệu GOLY màu đen; bị cáo Hoàng Văn Q đề nghị trả lại vật chứng là 01 xe môtô 23B1 - 31603, nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS, sơn màu đỏ - đen - trắng; bị cáo Pháng Ngọc K đề nghị trả lại 01 điện thoại di động loại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Iphone, màu vàng - trắng; bị cáo Phàn Thị M1 đề nghị trả lại 01 điện thoại di động loại bàn phím, nhãn hiệu BONTEL, màu xanh – đen.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xin xét xử vắng mặt và có quan điểm: Ông Dò Văn T đề nghị trả lại tài sản là chiếc xe máy BKS: 93T8 – 3487; bà Nguyễn Thị N đề nghị trả lại tài sản là chiếc xe máy BKS: 23M1 - 093.74; bà Pháng Thị T đề nghị trả lại tài sản là 01 xe máy BKS: 23M1 - 163.40, nhãn hiệu HONDA, Loại xe WAVEALP, sơn màu đỏ - đen - bạc.

Đại diện Viện kiểm sát có quan điểm: Các bị cáo, người bào chữa cho bị cáo Hùng đều nhất trí với quan điểm luận tội của Viện kiểm sát do vậy, tôi không có tranh luận đối đáp gì thêm.

Sau khi thẩm tra các chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung bào chữa của người bào chữa, nghe lời khai của các bị cáo và ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Tính hợp pháp của những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập; do người bào chữa, các bị cáo, người tham gia tố tụng cung cấp trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật, không có khiếu nại, tố cáo. Do đó, những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập; do người bào chữa, các bị cáo, người tham gia tố tụng cung cấp trong quá trình điều tra, truy tố trong hồ sơ vụ án đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Dò Văn T, Nguyễn Thị N, Pháng Thị P nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt và có quan điểm yêu cầu gửi cho Tòa án. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự để xét xử vắng mặt những người nêu trên.

[3] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 11/01/2023, biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ; quyết định trưng cầu giám định, Kết luận giám định số: 31/KL-PC09 ngày 17/01/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang, phù hợp về thời gian, địa điểm và các thành phần tham gia, đã xác định được: Với động cơ mục đích vụ lợi, trong khoảng thời gian khoảng 20 giờ ngày 11/01/2023, tại nhà Phàn Thị M1 có địa chỉ tại thôn S, xã S, huyện Y, tỉnh Hà Giang, Pháng Ngọc K đã khởi xướng, rủ rê việc đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa và có các bị cáo Vàng Mí P1, Phàn Thị M1, Làn Văn T, Hoàng Văn Q, Dò Thanh H2, Phùng Quốc H1, Lù Văn S, Mồ Văn D, Chảo Văn L, Vàng Mí M2, Giàng Nhè P2 cùng tham gia vào hành vi đánh bạc với tổng số tiền các bị cáo bị lực lượng Công an huyện Y thu giữ tại hiện trường là 7.500.000^{đ} (bảy triệu năm trăm nghìn đồng); hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội đánh bạc, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Minh truy tố và luận tội đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Pháng Ngọc K, Vàng Mí P1, Phàn Thị M1, Làn Văn T, Hoàng Văn Q, Dò Thanh H1, Phùng Quốc H1, Lù Văn S, Mồ Văn D, Chảo Văn L, Vàng Mí M2, Giàng Nhè P2 phạm tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về tính chất hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến nếp sống văn minh, trật tự công cộng, gây dư luận xấu trong nhân dân, làm mất trật tự trị an tại địa phương, trong khi các bị cáo đều là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhưng vì mục đích vụ lợi nên đã cố ý phạm tội; do vậy, cần xử lý các bị cáo bằng biện pháp hình sự, với mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo đã thực hiện, nhằm giáo dục các bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời để ngăn chặn và phòng ngừa tội phạm.

[5] Về vai trò hành vi phạm tội: Các bị cáo phạm tội không có tổ chức, chỉ là đồng phạm giản đơn; các bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý. Tổng số tiền các bị cáo dùng đánh bạc bị thu giữ tại hiện trường là 7.500.000^{đ} (bảy triệu năm trăm nghìn đồng), trong đó:

[5.1] Bị cáo Pháng Ngọc K là người khởi xướng, rủ rê việc đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa, là người lấy bát, đĩa trong nhà bà M1 để thực hiện hành vi đánh bạc và là người trực tiếp làm cái, sử dụng số tiền khoảng 1.000.000đ (một triệu đồng) để đánh bạc, trong quá trình đánh bạc bị cáo còn cho bị cáo H2 vay số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng) để tham gia đánh bạc cùng nên bị cáo là người giữ vai trò thứ nhất của vụ án và phải chịu mức hình phạt cao nhất.

[5.2] Bị cáo Vàng Mí P1 là đồng phạm với vai trò là người giúp sức và thực hành, khi nghe cáo K khởi xướng rủ rê đánh bạc, ngay lập tức bị cáo hưởng ứng rồi nhặt 01 vỏ hộp giấy cứng có một mặt màu trắng, một mặt màu vàng để dùng dụng cụ cắt thành 04 quân vị hình tròn phục vụ cho việc đánh bạc. Bị cáo sử dụng số tiền 230.000đ (hai trăm ba mươi nghìn đồng) để tham gia đánh bạc, quá trình đánh bạc do bị thua hết tiền nên bị cáo đã bán xe máy cho bị cáo Làn Văn T với giá 4.600.000đ (bốn triệu sáu trăm nghìn đồng), sau đó bị cáo cho Hoàng Văn Q vay 2.300.000đ (hai triệu ba trăm nghìn đồng) để đánh bạc, số tiền bán xe còn lại P1 tiếp tục sử dụng vào việc đánh bạc, nên bị cáo phải chịu mức hình phạt tương xứng nhưng thấp hơn so với bị cáo bị cáo K.

[5.3] Bị cáo Phàn Thị M1 là đồng phạm với vai trò là người giúp sức và thực hành, khi thấy bị cáo K khởi xướng việc đánh bạc tại nhà bị cáo, bị cáo không những không khuyên ngăn mà còn cho các bị cáo thực hiện hành vi đánh bạc trong nhà mình và cùng tham gia đánh bạc với các bị cáo khác. Bị cáo sử dụng số tiền 100.000đ (một trăm nghìn đồng) để tham gia đánh bạc, nên bị cáo phải chịu mức hình phạt tương xứng bằng mức hình phạt so với bị cáo P1.

[5.4] Bị cáo Phùng Quốc H1 là đồng phạm với vai trò là người thực hành trực tiếp tham gia đánh bạc với số tiền 350.000đ (ba trăm năm mươi nghìn đồng). Mặt khác bị cáo đã từng bị Tòa án xét xử về tội phạm khác tuy nhiên đã được xóa án tích, nên bị cáo phải chịu mức hình phạt tương xứng bằng mức hình phạt so với các bị cáo P1, M1.

[5.5] Bị cáo Làn Văn T là đồng phạm với vai trò là người thực hành trực tiếp tham gia đánh bạc với số tiền 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng), quá trình đánh bạc khi bị cáo P1 thua hết tiền và đề nghị bán xe máy của bị cáo P1 cho bị cáo T thì bị cáo T đồng ý mua lại xe của P1 với giá 4.600.000đ (bốn triệu sáu trăm nghìn đồng) để P1 có tiền tiếp tục tham gia đánh bạc, nên bị cáo phải chịu mức hình phạt tương xứng bằng mức hình phạt so với các bị cáo P1, M1, H1.

[5.6] Bị cáo Hoàng Văn Q là đồng phạm với vai trò là người thực hành trực tiếp tham gia đánh bạc ngay từ đầu khi bị cáo K khởi xướng, quá trình đánh bạc bị cáo dùng số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) để tham gia đánh bạc, quá trình đánh bạc, Q tiếp tục vay của Pó số tiền 2.300.000đ (hai triệu ba trăm nghìn đồng) là số tiền P1 bán xe cho T để tiếp tục tham gia đánh bạc, nên bị cáo phải chịu mức hình phạt tương xứng nhưng nhẹ hơn mức hình phạt so với các bị cáo K, P1, M1, H1, T.

[5.7] Bị cáo Dò Thanh H2 là đồng phạm với vai trò là người thực hành trực tiếp tham gia đánh bạc, sau khi đến nhà bà M1, bị cáo thấy mọi người đang tham gia đánh

bạc, không những không khuyên ngăn bị cáo còn trực tiếp tham gia đánh bạc. Bị cáo sử dụng số tiền 20.000đ (hai mươi nghìn đồng) bị cáo mang theo người và 1.000.000đ (một triệu đồng) bị cáo vay của bị cáo K để tham gia đánh bạc, nên bị cáo phải chịu mức hình phạt tương xứng bằng mức hình phạt so với bị cáo Q.

[5.8] Các bị cáo Lù Văn S, Mồ Văn D, Chảo Văn L, Vàng Mí M2 là đồng phạm với vai trò là người thực hành trực tiếp tham gia đánh bạc, cụ thể bị cáo S sử dụng số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), bị cáo D sử dụng số tiền 200.000đ (hai trăm nghìn đồng), bị cáo L sử dụng số tiền 60.000đ (sáu mươi nghìn đồng), bị cáo M2 sử dụng số tiền 30.000đ (ba mươi nghìn đồng) để đánh bạc, nên các bị cáo phải chịu mức hình phạt tương xứng bằng mức hình phạt so với bị cáo Q.

[5.9] Bị cáo Giàng Nhè P2 là đồng phạm với vai trò là người thực hành trực tiếp tham gia đánh bạc với số tiền 50.000đ (năm mươi nghìn đồng), bị cáo là người từ 70 tuổi trở lên, nên bị cáo phải chịu mức hình phạt tương xứng nhưng thấp hơn mức hình phạt so với các bị cáo Q, S D, L, M2.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[7] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Pháng Ngọc K, Vàng Mí P1, Hoàng Văn Q, Chảo Văn L, Phàn Thị M1, Làn Văn T, Vàng Mí M2, Lù Văn S, Dò Thanh H2, Mồ Văn D và Giàng Nhè P2 được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình như là phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoảng 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Giàng Nhè P2 được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ là người từ đủ 70 tuổi trở lên quy định tại điểm o khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo S, D, T sau khi thực hiện hành vi phạm tội xong đã tự nguyện ra đầu thú là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Bị cáo Phùng Quốc H được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình như là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại các điểm s khoản 1, khoảng 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[8] Về nhân thân: Các bị cáo Pháng Ngọc K, Vàng Mí P1, Hoàng Văn Q, Chảo Văn L, Vàng Mí M2, Lù Văn S, Dò Thanh H2, Mồ Văn D và Giàng Nhè P2 có nhân thân tốt; bị cáo Phùng Quốc H1 ngày 14/01/2014 bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xử phạt 06 năm tù về tội "Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài". Hiện đã được xóa án tích; bị cáo Phàn Thị M1 và Làn Văn T ngày 25/11/2019 bị Công an huyện Yên Minh quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 1.500.000đ về hành vi đánh bạc. Bị cáo đã nộp tiền xong; Đối với bị cáo Phang Ngọc K là người khởi xướng, rủ rê việc đánh bạc nên cần có mức án nghiêm khắc nhất cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ sức răn đe, cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cũng như công tác phòng ngừa tội phạm; đối với các bị cáo Vàng Mí P1, Phàn Thị M1, Phùng Quốc H1, Làn Văn T, Hoàng Văn Q, Dò Thanh

H2, Lù Văn S, Mồ Văn D, Chảo Văn L, Vàng Mí M2, Giàng Nhè P2 đều là đồng phạm có vai trò không đáng kể, đều có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, ngoài lần phạm tội này các bị cáo chấp hành đầy đủ chính sách pháp luật nhà nước, quy định địa phương nơi cư trú nên không cần thiết phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội mà xử phạt các bị cáo Vàng Mí P1, Phàn Thị M1, Phùng Quốc H1, Làn Văn T, Hoàng Văn Q, Dò Thanh H2 với hình phạt tù cho hưởng án treo đồng thời ấn định thời gian thử thách đối với các bị cáo, thể hiện tính khoan hồng và nghiêm minh của pháp luật. Xử phạt các bị cáo Lù Văn S, Mồ Văn D, Chảo Văn L, Vàng Mí M2, Giàng Nhè P2 với hình phạt cải tạo không giam giữ, giao về địa phương theo dõi, giám sát, giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[9] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính, các bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự, nhưng các bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập thấp và không ổn định, đều là người thuộc đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[10] Biện pháp tư pháp: Cần áp dụng Điều 123 của Bộ luật Tố tụng hình sự để quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Pháng Ngọc K kể từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 26/4/2023 cho đến khi bị cáo đi chấp hành án.

[11] Bị cáo Pháng Ngọc K, bị tạm giữ từ ngày 11/01/2023 đến ngày 17/01/2023 nên được khấu trừ vào thời gian chấp hành hình phạt tù; Các bị cáo Giàng Nhè P1, Vàng Mí M2 bị tạm giữ từ ngày 11/01/2023 đến ngày 17/01/2023 là 06 (sáu) ngày, quy đổi 01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ là 18 (mười tám) ngày được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo P2, M2.

[12] Về việc khấu trừ thu nhập: Theo quy định tại khoản 3 Điều 36 của Bộ luật Hình sự, các bị cáo bị khấu trừ một phần thu nhập từ 05% đến 20% để sung quỹ nhà nước, tuy nhiên xét thấy các bị cáo Lù Văn S, Mồ Văn D, Chảo Văn L, Vàng Mí M2, Giàng Nhè P2 vì các bị cáo đều không có nghề nghiệp, thu nhập thấp và không ổn định, đều là người thuộc đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, hoàn cảnh gia đình đều khó khăn, một số bị cáo thuộc diện nghèo, cận nghèo do vậy miễn việc khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

[13] Về áp dụng biện pháp lao động phục vụ cộng đồng: Các bị cáo Lù Văn S, Mồ Văn D, Chảo Văn L, Vàng Mí M2, Giàng Nhè P2 phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ theo quy định tại khoản 4 Điều 36 của Bộ luật Hình sự.

[14] Về vật chứng thu giữ của vụ án: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố Tụng hình sự năm 2015.

[14.1] Tịch thu tiêu hủy: 04 quân vị hình tròn, một mặt màu vàng và 01 mặt màu trắng; 01 bát sứ màu trắng; 01 đĩa bằng sứ màu trắng; 01 bao tải dứa màu trắng là công cụ, phương tiện phạm tội và không còn giá trị sử dụng.

[14.2] Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 7.500.000đ (bảy triệu năm trăm nghìn đồng); 01 xe mô tô biển kiểm soát 23M1– 093.99, nhãn hiệu HONDA, loại RSX, sơn màu đen là tiền, tài sản do các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

[14.3] Trả lại cho bị cáo Dò Thanh H2 01 điện thoại di động, loại màn hình cảm ứng, không rõ nhãn hiệu, chủng loại, màu đen - trắng, màn hình, thân vỏ máy có nhiều vết nứt vỡ; trả lại cho ông Dò Văn T 01 xe môtô biển kiểm soát: 93T8 - 3487, nhãn hiệu HONDA, sơn màu đỏ - đen, đã qua sử dụng; trả lại cho bị cáo Giàng Nhè P2 01 điện thoại di động, loại bàn phím, nhãn hiệu JSTAR, màu đen; trả lại cho bị cáo Vàng Mí M2 01 điện thoại di động, loại bàn phím, nhãn hiệu GOLY màu đen; trả lại cho bị cáo Hoàng Văn Q 01 xe môtô, biển kiểm soát 23B1 - 31603, nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS, sơn màu đỏ - đen - trắng; trả lại cho bị cáo Phùng Quốc H1 01 điện thoại di động, loại bàn phím, nhãn nhiệu KINGREAT, màu đen; trả lại cho bị cáo Pháng Ngọc K 01 điện thoại di động, loại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Iphone, màu vàng - trắng; trả lại cho bà Nguyễn Thị N 01 xe môtô biển kiểm soát 23M1 - 093.74, nhãn hiệu HONDA WAVES, sơn màu đỏ - đen; trả lại cho bị cáo Phàn Thị M1 01 điện thoại di động, loại bàn phím, nhãn hiệu BONTEL, màu xanh - đen; trả lại cho bà Pháng Thị T 01 xe máy biển kiểm soát 23M1 - 163.40, nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVEALP, sơn màu đỏ - đen - bạc đã qua sử dụng, vì các tài sản nêu trên không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo.

[15] Về án phí: Tại phiên tòa bị cáo Phùng Quốc H1 có đơn xin miễn án phí nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí cho bị cáo H1; Buộc các bị cáo Pháng Ngọc K, Vàng Mí P1, Phàn Thị M1, Làn Văn Tuấn, Hoàng Văn Q, Dò Thanh H2, Lù Văn Sến, Mồ Văn D, Chảo Văn L, Vàng Mí M2, Giàng Nhè P2 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm theo quy định khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố Tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[16] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[17] Ý kiến của người bào chữa cho bị báo Phùng Quốc H1 đề nghị áp dụng mức hình phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo đối với bị cáo H1 là không tương xứng với mức độ, vai trò, hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, do vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Pháng Ngọc K, Vàng Mí P1, Phàn Thị M1, Phùng Quốc H1, Làn Văn T, Hoàng Văn Q, Dò Thanh H2, Lù Văn S, Mồ Văn D, Chảo Văn L, Vàng Mí M2, Giàng Nhè P2 phạm tội "Đánh bạc".

2. Về hình phạt:

- Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Pháng Ngọc K 07 (bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 11/01/2023 đến ngày 17/01/2023.

Căn cứ Điều 123 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Pháng Ngọc K kể từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 26/4/2023 cho đến khi bị cáo đi chấp hành án.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt các bị cáo Vàng Mí P1, Phàn Thị M1, Làn Văn T 06 (sáu) tháng 20 (hai mươi) ngày tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 13 (mười ba) tháng 10 (mười) ngày tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 26/4/2023.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Phùng Quốc H1 06 (sáu) tháng 20 (hai mươi) ngày tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 13 (mười ba) tháng 10 (mười) ngày tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 26/4/2023.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt các bị cáo Hoàng Văn Q, Dò Thanh H2 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 26/4/2023.

Giao bị cáo Vàng Mí P1 cho Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Hà Giang giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách; giao các bị cáo Phàn Thị M, Làn Văn T, Dò Thanh H, Phùng Quốc H cho Ủy ban nhân dân xã S, huyện Y, tỉnh Hà Giang giám sát giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách; giao bị cáo Hoàng Văn Q cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện Y, tỉnh Hà Giang giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Gia đình bị cáo Vàng Mí P1 có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Hà Giang và người được phân công trong việc giám sát, giáo dục người được hưởng án treo; gia đình các bị cáo Phàn Thị M1, Phùng Quốc H1, Làn Văn T, Dò Thanh H2 có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã S, huyện Y, tỉnh Hà Giang và người được phân công trong việc giám sát, giáo dục người được hưởng án treo; gia đình bị cáo Hoàng Văn Q có trách nhiệm phối hợp

với Ủy ban nhân dân xã H, huyện Y, tỉnh Hà Giang và người được phân công trong việc giám sát, giáo dục người được hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt các bị cáo Lù Văn S, Mồ Văn D, Chảo Văn L, Vàng Mí M2 24 (hai mươi bốn) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo Vàng Mí M2 được trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 11/01/2023 đến ngày 17/01/2023 là 06 (sáu) ngày, quy đổi 01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ là 18 (mười tám) ngày; bị cáo phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ còn lại là 23 (hai mươi ba) tháng 12 (mười hai) ngày.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, o, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Giàng Nhè P2 20 (hai mươi) tháng cải tạo không giam giữ. Được trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 11/01/2023 đến ngày 17/01/2023 là 06 (sáu) ngày, quy đổi 01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ là 18 (mười tám) ngày; bị cáo phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ còn lại là 19 (mười chín) tháng 12 (mười hai) ngày.

Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành sự Công an huyện Yên Minh nhận được quyết định thi hành án. Giao các bị cáo Lù Văn S, Mồ Văn D, Chảo Văn L, Vàng Mí M2, Giàng Nhè P2 cho Ủy ban nhân dân xã S, huyện Y, tỉnh Hà Giang để giám sát, giáo dục; gia đình những người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã S, huyện Y, tỉnh Hà Giang trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo. Trường hợp người chấp hành án vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Miễn việc khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo Lù Văn S, Mồ Văn D, Chảo Văn L, Vàng Mí M2, Giàng Nhè P2.

Buộc các bị cáo Lù Văn S, Mồ Văn D, Chảo Văn L, Vàng Mí M2, Giàng Nhè P2 phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ.

3. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm a, b, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố Tụng hình sự năm 2015.

+ Tịch thu tiêu hủy: 04 quân vị hình tròn, một mặt màu vàng và 01 mặt màu trắng; 01 bát sứ màu trắng; 01 đĩa bằng sứ màu trắng; 01 bao tải dứa màu trắng.

+ Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 7.500.000đ (bảy triệu năm trăm nghìn đồng); 01 xe mô tô biển kiểm soát 23M1– 093.99, nhãn hiệu HONDA, loại RSX, sơn màu đen.

+ Trả lại cho bị cáo Dò Thanh H2 01 điện thoại di động, loại màn hình cảm ứng, không rõ nhãn hiệu, chủng loại, màu đen - trắng, màn hình, thân vỏ máy có nhiều vết nứt vỡ; trả lại cho ông Dò Văn T 01 xe môtô biển kiểm soát: 93T8 - 3487, nhãn hiệu HONDA, sơn màu đỏ - đen, đã qua sử dụng; trả lại cho bị cáo Giàng Nhè P2 01 điện thoại di động, loại bàn phím, nhãn hiệu JSTAR, màu đen; trả lại cho bị cáo Vàng Mí M2 01 điện thoại di động, loại bàn phím, nhãn hiệu GOLY màu đen; trả lại cho bị cáo Hoàng Văn Q 01 xe môtô, biển kiểm soát 23B1 - 31603, nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS, sơn màu đỏ - đen - trắng; trả lại cho bị cáo Phùng Quốc H1 01 điện thoại di động, loại bàn phím, nhãn nhiệu KINGREAT, màu đen; trả lại cho bị cáo Pháng Ngọc K 01 điện thoại di động, loại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Iphone, màu vàng - trắng; trả lại cho bà Nguyễn Thị N 01 xe môtô biển kiểm soát 23M1 - 093.74, nhãn hiệu HONDA WAVES, sơn màu đỏ - đen; trả lại cho bị cáo Phàn Thị M1 01 điện thoại di động, loại bàn phím, nhãn hiệu BONTEL, màu xanh - đen; trả lại cho bà Pháng Thị T 01 xe máy biển kiểm soát 23M1 - 163.40, nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVEALP, sơn màu đỏ - đen - bạc đã qua sử dụng.

(Tình trạng vật chứng, tài sản theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa cơ quan Điều tra Công an huyện Yên Minh và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Minh lập ngày 05/4/2023)

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 6 Điều 15, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Buộc các bị cáo Pháng Ngọc K, Vàng Mí P1, Phàn Thị M1, Làn Văn T, Hoàng Văn Q, Dò Thanh H2, Lù Văn S, Mồ Văn D, Chảo Văn L, Vàng Mí M2, Giàng Nhè P2, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Phùng Quốc H1 là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, các bị cáo có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

7. Về thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành, người phải thi hành án dân sự có quyền

thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Hà Giang;
- VKS tỉnh Hà Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Phòng PC 10, PV 06 CA tỉnh Hà Giang;
- VKS huyện Yên Minh;
- Công an huyện Yên Minh;
- Chi cục THADS huyện Yên Minh;
- UBND các xã S, H, huyện Y;
- UBND thị trấn P, huyện Đ;
- Các bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, HSTHAHS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Đạng